

Số: **4789**/BTTTT-CNICTHà Nội, ngày **18** tháng 9 năm 2023

V/v Cung cấp số liệu biên soạn Sách Trắng về Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam năm 2023

Kính gửi: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Hằng năm, Bộ Thông tin và Truyền thông biên soạn và phát hành Sách Trắng về Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam (Sách Trắng). Đây là ấn phẩm chính thức, cung cấp các thông tin, số liệu thống kê về một số lĩnh vực do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý, đã và đang được các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước sử dụng. Sự thành công của việc xây dựng Sách Trắng trong những năm qua là nhờ những đóng góp quan trọng và hỗ trợ kịp thời của các địa phương trong việc cung cấp thông tin, số liệu hoạt động trong lĩnh vực CNTT.

Nhằm tổng hợp và biên soạn Sách Trắng năm 2023, Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng đề nghị Quý Cơ quan cung cấp số liệu về tình hình hoạt động công nghiệp CNTT tại địa phương theo mẫu phiếu và tài liệu hướng dẫn kèm theo (bản mềm có tại địa chỉ www.mic.gov.vn tại Mục Số liệu - Báo cáo/Tài liệu). Văn bản trả lời và bản mềm đề nghị gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông) **trước ngày 30/9/2023**.

Thông tin chi tiết, xin liên hệ: Ông Bùi Thanh Tùng, Chuyên viên chính Phòng Xúc tiến thương mại và đầu tư, Cục Công nghiệp công nghệ thông tin và Truyền thông, Bộ Thông tin và Truyền thông; Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, Hà Nội; Điện thoại: 024. 39437720; Di động: 0903474700; Email: btung@mic.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ và hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Sở TT&TT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ (để p/h);
- Lưu: VT, CNICT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Huy Dũng**

PHIẾU THU THẬP SỐ LIỆU
VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG NĂM 2023
(Áp dụng đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)

Hướng dẫn chung:

- Trong phiếu này, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều được gọi chung là **tỉnh**.
- Với các số liệu thống kê từ các công bố của các cơ quan quản lý nhà nước như: báo cáo thống kê, kết quả điều tra v.v., cần ghi rõ nguồn cung cấp.
- Những trường hợp không có được số liệu chính xác, có thể sử dụng số ước tính gần đúng nhất có thể. Trong trường hợp không thể ước tính hoặc thu thập được số liệu thì ghi số liệu năm trước đó và giải thích. Nếu năm trước cũng không có số liệu thì ghi "Không có số liệu".
- Thời điểm và số liệu thống kê:
 - Cột Năm 2022: lấy số liệu tính đến 31/12/2022.
 - Cột Năm 2021: lấy số liệu tính đến 31/12/2021.
 - Cột Giải thích biến động: Khi số liệu có sự thay đổi lớn giữa các năm, đề nghị giải thích lý do.
- Sau khi điền phiếu điều tra, đề nghị ghi rõ tên và thông tin liên hệ của cán bộ xử lý vào cuối phiếu điều tra để liên lạc, trao đổi khi cần.

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên tỉnh/thành phố:

B. SẢN XUẤT - KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC CNTT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Giải thích biến động
1	DOANH NGHIỆP CNTT				
1	Số lượng doanh nghiệp CNTT mới đăng ký kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp			
1.1	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử				

1.2	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần mềm				
1.3	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nội dung số				
1.4	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ CNTT (trừ kinh doanh, phân phối)				
1.5	Doanh nghiệp kinh doanh, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT				
2	Số lượng doanh nghiệp CNTT đang hoạt động	Doanh nghiệp			
2.1	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử				
2.2	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần mềm				
2.3	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nội dung số				
2.4	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ CNTT (trừ kinh doanh, phân phối)				
2.5	Doanh nghiệp kinh doanh, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT				
3	Số lượng doanh nghiệp CNTT phá sản hoặc giải thể trong năm	Doanh nghiệp			
2.1	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử				
2.2	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phần mềm				
2.3	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nội dung số				
2.4	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ CNTT (trừ kinh doanh, phân phối)				
2.5	Doanh nghiệp kinh doanh, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT				

II	KẾT QUẢ SẢN XUẤT - KINH DOANH CNTT				
4	Tổng doanh thu CNTT	Triệu đồng			
4.1	Doanh thu từ hoạt động sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử				
4.2	Doanh thu từ hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm				
4.3	Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm nội dung số				
4.4	Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ CNTT (trừ kinh doanh, phân phối)				
4.5	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT				
5	Giá trị xuất khẩu CNTT	Triệu USD			
5.1	Giá trị xuất khẩu sản phẩm phần cứng, điện tử				
5.2	Giá trị xuất khẩu sản phẩm phần mềm				
5.3	Giá trị xuất khẩu sản phẩm nội dung số				
5.4	Giá trị xuất khẩu dịch vụ CNTT				
6	Giá trị nhập khẩu CNTT	Triệu USD			
6.1	Giá trị nhập khẩu sản phẩm phần cứng, điện tử				
6.2	Giá trị nhập khẩu sản phẩm phần mềm				
6.3	Giá trị nhập khẩu sản phẩm nội dung số				
6.4	Giá trị nhập khẩu dịch vụ CNTT				
7	Thuế và các khoản nộp NSNN từ sản xuất – kinh doanh CNTT trong năm	Triệu đồng			
7.1	Thuế và các khoản nộp NSNN từ hoạt động sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử				

7.2	Thuế và các khoản nộp NSNN từ hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm				
7.3	Thuế và các khoản nộp NSNN từ hoạt động sản xuất sản phẩm nội dung số				
7.4	Thuế và các khoản nộp NSNN từ hoạt động cung cấp dịch vụ CNTT (trừ kinh doanh, phân phối)				
7.5	Thuế và các khoản nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT				
8	Tổng thuế và các khoản nộp NSNN thu được trên địa bàn tỉnh của tất cả các lĩnh vực kinh tế xã hội của tỉnh trong năm	Triệu đồng			
III	LAO ĐỘNG CNTT VÀ THU NHẬP				
9	Tổng số lao động CNTT	Người			
9.1	Lao động lĩnh vực phần cứng, điện tử				
9.2	Lao động lĩnh vực phần mềm				
9.3	Lao động lĩnh vực nội dung số				
9.4	Lao động lĩnh vực dịch vụ CNTT (trừ kinh doanh, phân phối)				
9.5	Lao động lĩnh vực kinh doanh, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT				
9.6	Tổng số lao động CNTT là nữ giới				
10	Thu nhập bình quân hàng năm của 1 lao động CNTT	Triệu VND /người			
10.1	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực phần cứng, điện tử				
10.2	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực phần mềm				
10.3	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực nội dung số				

10.4	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực dịch vụ CNTT (trừ kinh doanh, phân phối)				
10.5	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực kinh doanh, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT				
IV	ĐẦU TƯ CHO CNTT				
11	Tổng chi đầu tư từ NSNN của tỉnh trong năm cho tất cả các lĩnh vực (bao gồm đầu tư từ Trung ương và địa phương)	Triệu đồng			
12	Tổng đầu tư từ vốn ngoài NSNN ở tất cả các lĩnh vực vào địa bàn tỉnh trong năm				
12.1	Đầu tư trong nước	Triệu đồng			
12.2	Đầu tư nước ngoài	Triệu USD			
13	Tổng đầu tư từ NSNN của tỉnh cho lĩnh vực CNTT trong năm (bao gồm đầu tư từ Trung ương và địa phương)	Triệu đồng			
13.1	Đầu tư, mua sắm sản phẩm phần cứng, điện tử				
13.2	Đầu tư, mua sắm sản phẩm phần mềm				
13.3	Đầu tư, mua sắm sản phẩm nội dung số				
13.4	Thuê dịch vụ CNTT				
13	Tổng đầu tư ngoài NSNN cho lĩnh vực CNTT tại địa bàn tỉnh trong năm				
13.1	Đầu tư trong nước	Triệu đồng			
13.2	Đầu tư nước ngoài	Triệu USD			
V	KHU CNTT TẬP TRUNG (Áp dụng với các địa phương có khu CNTT tập trung)				
1	Số lượng khu CNTT trên đại bàn tỉnh	Khu			
2	Tổng diện tích quy hoạch khu CNTT tập trung trên địa bàn tỉnh	m ²			
3	Tổng quỹ đất hiện tại của các khu CNTT tập trung	m ²			

4	Tổng diện tích văn phòng làm việc của các khu CNTT tập trung	m ²			
5	Tổng diện tích mặt sàn xây dựng đã được thực hiện trong khu CNTT tập trung	m ²			
6	Tổng số lao động CNTT trong các khu CNTT tập trung	Người			
7	Số lượng doanh nghiệp CNTT trong các khu CNTT tập trung	Doanh nghiệp			
8	Doanh thu của các doanh nghiệp CNTT hoạt động trong khu CNTT tập trung	Triệu đồng			
9	Giá trị xuất khẩu về CNTT các khu CNTT tập trung	Triệu USD			
VI	MÔI TRƯỜNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CNTT				
1	Tỉnh có ban hành Kế hoạch phát triển công nghiệp CNTT không?		☐ Có	☐ Không	
Tên văn bản:					
2	Tỉnh có ban hành Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số không?		☐ Có	☐ Không	
Tên văn bản:					
3	Tỉnh có chính sách riêng khuyến khích, thúc đẩy phát triển công nghiệp CNTT		☐ Có	☐ Không	
Tên văn bản:					
4	Tỉnh có chính sách đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực CNTT		☐ Có	☐ Không	
Tên văn bản:					
5	Tỉnh có chính sách thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực CNTT không?		☐ Có	☐ Không	

	Tên văn bản:				
6	Tỉnh có chính sách riêng cho thu hút đầu tư cho CNTT (bao gồm cả đầu tư trong nước và nước ngoài)		☐ Có	☐ Không	
	Tên văn bản:				
7	Chính sách khác dành cho công nghiệp CNTT (nêu cụ thể)		☐ Có	☐ Không	
	Tên văn bản:				

THÔNG TIN NGƯỜI KÊ KHAI

•	Họ và tên	
•	Bộ phận công tác	
•	Chức vụ	
•	Điện thoại cố định	
•	Di động	
•	Email	

Người kê khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

, ngày tháng năm 2023
Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông
(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số)